

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2025

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Hoàng Mạnh Hùng.**

- Bà **Trần Thị Minh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Vũ Linh Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tư** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2025/HNGĐ- ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2025/QĐXX - ST ngày 26 tháng 8 năm 2025; giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh **Lê Đức T**, sinh năm 1980. Có mặt.

HKTT: Tổ 22, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 1 ngách 95/3 phố T, phường L, Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1983. Có mặt.

HKTT: Tổ 22, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 1 ngách 95/3 phố T, phường L, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: P604, tầng 6, nhà số 41 ngõ 649 đường L, phường L, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lê Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thị Thu H vào ngày 21/01/2008, trước khi cưới có tự nguyện tìn hiệu có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Thành phố Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi đăng kí kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại phường L. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hòa hợp, bên cạnh đó do chị Hường không tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng, dẫn đến vợ chồng thường va chạm cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng

10/2022, anh đã làm đơn ly hôn đơn phương sau đó rút đơn về, hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau. Đến tháng 3/2025 vợ chồng đã làm đơn thuận tình ly hôn, toà án đã giải quyết nhưng hai vợ chồng không thoả thuận được anh đã rút đơn về và sau đó anh tiếp tục nộp đơn xin ly hôn đơn phương.

Nay, anh Toàn xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lê Minh Quân (nam), sinh ngày 18/10/2008 và cháu Lê Minh Đạt (nam), sinh ngày 14/01/2012. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Quân, đề chị Hường nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Đạt, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Vợ chồng tự thoả thuận, ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: Anh Toàn xác nhận vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết;

*** Bị đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Đức T vào ngày 21/01/2008, trước khi cưới có tự nguyện tin hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Thành phố Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại phường L. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là xuất phát việc các chị chồng và mẹ chồng với chị có mâu thuẫn anh Toàn không có các biện pháp hoà giải để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng có xích mích, cãi vã với nhau làm ảnh hưởng đến quan hệ vợ chồng và từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2025. Chị xác nhận vợ chồng đến nay đã ba lần làm đơn ly hôn gửi đến toà, kể từ sau khi rút đơn ly hôn vào tháng 5/2025 vợ chồng cũng không về chung sống với nhau.

Nay, anh Toàn xin ly hôn chị không đồng ý, nếu anh Toàn đề chị nuôi cả hai con chung chị mới đồng ý ly hôn. Chị có quan điểm để cháu Lê Minh Quân thi xong vào vào đại học thì khi đó chị mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Quân (nam), sinh ngày 18/10/2008 và cháu Lê Minh Đạt (nam), sinh ngày 14/01/2012. Ly hôn chị Hường xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu vì theo nguyện vọng của hai con và vì chị có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Chị Hường xác nhận vợ chồng tự thoả thuận, ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: Chị Hường xác nhận vợ chồng có không có nợ chung, ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết;

Tại phiên tòa: Anh Lê Đức T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Thu H, con chung

anh Toàn xin nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Quân; để chị Hương nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Đạt; về cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Anh Toàn xác định vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Anh Toàn xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Thu H xác nhận vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là xuất phát việc các chị chồng và mẹ chồng với chị nhưng anh Toàn không có các biện pháp hoà giải để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng có xích mích, cãi vã với nhau làm ảnh hưởng đến quan hệ vợ chồng và từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2025. Chị xác nhận vợ chồng đến nay đã ba lần làm đơn ly hôn gửi đến toà, kể từ sau khi rút đơn ly hôn vào tháng 5/2025 vợ chồng cũng không về chung sống với nhau. Nay, anh Toàn xin ly hôn chị nhất trí; Về con chung chị Lê Thị Thu H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Quân (nam), sinh ngày 18/10/2008 và cháu Lê Minh Đạt (nam), sinh ngày 14/01/2012. Ly hôn chị Hương xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu vì theo nguyện vọng của hai con và vì chị có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Chị Hương xác định vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị Hương xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 thụ lý đơn xin ly hôn của anh Lê Đức T đối với chị Lê Thị Thu H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự cũng được nhận các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đức T về việc xin ly hôn với chị Lê Thị Thu H; xử cho anh Lê Đức T được ly hôn chị Lê Thị Thu H; Về con chung: Giao chị Lê Thị Thu H nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Đạt; Giao anh Lê Đức T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Quân; kể từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi

khác; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H không yêu cầu, nên không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết; anh Lê Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Đức T có đơn xin ly hôn đối với chị Lê Thị Thu H, nơi cư trú: Số 1 ngách 95/3 phố T, phường L, Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức T kết hôn với chị Lê Thị Thu H vào ngày 21/01/2008 trước khi đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, quận H, Thành phố Hà Nội, kết hôn lần thứ nhất. Do vậy HĐXX nhận định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại phường L, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hòa hợp, bên cạnh đó do vợ không tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng, dẫn đến vợ chồng thường va chạm cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 10/2022, anh đã làm đơn ly hôn đơn phương sau đó rút đơn về, hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau. Đến tháng 3/2025 vợ chồng đã làm đơn thuận tình ly hôn, toà án đã giải quyết nhưng hai vợ chồng không thoả thuận được anh đã rút đơn về và sau đó anh tiếp tục nộp đơn xin ly hôn đơn phương. Bị đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại phường L. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là xuất phát việc các chị chồng và mẹ chồng với chị nhưng anh Toàn không có các biện pháp hoà giải để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng có xích mích, cãi vã với nhau làm ảnh hưởng đến quan hệ vợ chồng và từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2025. Chị xác nhận vợ chồng đến nay đã ba lần làm đơn ly hôn gửi đến toà, kể từ sau khi rút đơn ly hôn vào tháng 5/2025 vợ chồng cũng không về chung sống với nhau. Nay anh Toàn xin ly hôn chị nhất trí ly hôn anh Toàn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh Lê Đức T xin ly hôn là có căn cứ, việc anh Toàn vẫn cương

quyết xin ly hôn chị Hương và chị Hương cũng đồng ý ly hôn; do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác định anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H 02 con chung là cháu Lê Minh Quân (nam), sinh ngày 18/10/2008 và cháu Lê Minh Đạt (nam), sinh ngày 14/01/2012, con chung sức khỏe bình thường và phát triển tốt.

Ly hôn anh Toàn xin nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Quân; để chị Hương nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Đạt, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi ly hôn chị Hương xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 con chung là cháu Lê Minh Quân và cháu Lê Minh Đạt vì theo nguyện vọng của hai con và vì chị có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu giải quyết.

HĐXX xét sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ chăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Mặt khác cháu Lê Minh Quân hiện nay đang học phổ thông trung học, bản thân anh Toàn là có thu nhập ổn định có sổ tiết kiệm, có đất ở được mẹ để anh Toàn cam kết tạo điều kiện cho chỗ ăn ở và cam kết hỗ trợ trong việc nuôi con. Đối với chị Lê Thị Thu H là giáo viên mầm non có thu nhập ổn định có sổ tiết kiệm, chị chưa có nhà ở hiện nay đang phải đi thuê trọ. Xét quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn, do vậy để đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu được tốt cần giao con chung là cháu Lê Minh Đạt cho chị Hương nuôi dưỡng và chăm sóc, giao cháu Lê Minh Quân cho anh Toàn chăm sóc và nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và nợ chung: Anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Lê Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: - Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H.

- *Về con chung:* Xác nhận anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H có 02 con chung là cháu Lê Minh Quân (nam), sinh ngày 18/10/2008 và cháu Lê Minh Đạt (nam), sinh ngày 14/01/2012. Giao chị Lê Thị Thu H nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Đạt; Giao anh Lê Đức T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Minh Quân; kể từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H không yêu cầu, nên HĐXX không xét.

Anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung:* Anh Lê Đức T và chị Lê Thị Thu H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lê Đức T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0035234 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 3), Thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- UBND phường L, Thành phố Hà Nội (GCNKH số 08, ngày 21/01/2008)
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phương